| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẢO YÊN**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Quang Đại
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Phạm Thị Dung
2. Bà Đinh Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị L– Sinh năm 1996
Trú tại: GT, xã VT, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.
2. Bị đơn anh Hoàng Văn K – Sinh năm 1994
Trú tại: GT, xã VT, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai .

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Lộc Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị L và anh Hoàng Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại UBND xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K thường xuyên uống rượu, không chịu lao động sản xuất, không chăm lo gia đình đồng thời anh K ghen tuông thường xuyên đánh đập chị L vô cớ. Sau nhiều lần sự việc xảy ra anh K đã xin lỗi chị L và chị L đã tha tứ nhưng anh K không chịu thay đổi. Từ tháng

01 năm 2023 chị L và anh K đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Chị L xác định không thể tiếp tục chung sống với anh K được nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung anh chị có 02 con chung:

1. Cháu Hoàng Trung K – Sinh ngày 31 tháng 01 năm 2018;

2. Cháu Hoàng Gia S – sinh ngày 22 tháng 11 năm 2019

Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia S, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng Trung K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng Văn K và giải quyết nuôi con chung; anh K cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng bất đồng về quan điểm, hiện nay chị chị L đã ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án chị đã giao nộp chứng cứ xác định được chị L và anh K hiện nay luôn bất hòa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp được chứng cứ chị L và anh K mỗi người có mức thu nhập là 7.000.000 đồng/01 người. Vì vậy chị L và anh K đều đủ điều kiện nuôi con. Cần giao cháu Hoàng Trung K – Sinh ngày 31

tháng 01 năm 2018 cho anh K, giao cháu Hoàng Gia S – sinh ngày 22 tháng 11 năm 2019 cho chị L nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Lộc Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn K

**2. Về con chung:**

Giao cháu Hoàng Trung K – Sinh ngày 31 tháng 01 năm 2018 cho anh Hoàng Văn K, giao cháu Hoàng Gia S – Sinh ngày 22 tháng 11 năm 2019 Lộc Thị L nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L và anh K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:**

Chị Lộc Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001551 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Út – Phạm Thị Dung** **Vũ Quang Đại**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Minh Chuẩn;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Vũ Quang Đại**